

# LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ: MỐI LIÊN HỆ VÀ TÍNH THỐNG NHẤT

TRỊNH TIẾN VIỆT \*

**Tóm tắt:** Luật hình sự quy định tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt, còn luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục, chức năng và thẩm quyền để thực thi và hiện thực hoá quy định đó trong thực tiễn, cùng hướng tới mục tiêu bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, công lí, công bằng, trật tự xã hội và các quyền con người. Do đó, trên cơ sở làm rõ mối liên hệ, tác động qua lại giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự dưới góc độ triết học pháp luật, sự thể hiện nội dung trong Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự, bài viết chỉ ra những bất cập, hạn chế lớn về nội dung, hình thức chưa bảo đảm tính thống nhất đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện trong hệ thống pháp luật Việt Nam, qua đó góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, cũng như đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Từ khoá:** Luật hình sự; luật tố tụng hình sự; mối liên hệ giữa nội dung và hình thức; tính thống nhất

Nhận bài: 15/10/2025

Hoàn thành biên tập: 25/02/2026

Duyệt đăng: 25/02/2026

## THE INTERRELATION AND UNITY BETWEEN CRIMINAL LAW AND CRIMINAL PROCEDURE LAW

**Abstract:** Criminal law provides for crimes, criminal liability, and penalties, while criminal procedure law provides for the procedures, processes, functions, and jurisdictions required to implement those provisions in practice. Both branches of law share the common goal of ensuring socialist legality, justice, fairness, social order, and the protection of human rights. From the perspective of philosophy of law, the close and reciprocal relationship between criminal law and criminal procedure law, as reflected in the Penal Code and the Criminal Procedure Code, this article identifies major limitations and inconsistencies in both substance and form that undermine the uniformity of Vietnam's legal system. Consequently, the article proposes directions for further improvement of the criminal law system, thereby contributing to crime prevention and control, advancing judicial reform, and fostering the development of a socialist rule-of-law state in Vietnam in the coming period.

**Keywords:** Criminal law; criminal procedure law; relationship between substance and form; consistency

Received: 15 October 2025; Editing completed: 25 February 2026; Accepted for publication: 25 February 2026

### 1. Đặt vấn đề

Trước yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam cũng như yêu cầu giải quyết chính xác, có căn cứ và đúng pháp luật trong bất kì vụ án hình sự nào, việc nghiên cứu, làm rõ mối liên hệ

giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự là yêu cầu cấp thiết, vì thực tiễn áp dụng cho thấy vẫn còn những điểm thiếu thống nhất, gây khó khăn khi tiến hành khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, cũng như trong tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác xây dựng và

\* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. E-mail: ttviet@vnu.edu.vn

thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỉ nguyên mới với quan điểm chỉ đạo “công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỉ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Do đó, dưới góc độ triết học pháp luật<sup>1</sup>, bài viết làm rõ mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự, dẫn chiếu sự thể hiện nội dung trong Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025 (gọi tắt là BLHS năm 2015) và Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2025 (gọi tắt là BLTTHS năm 2015), từ đó nêu những bất cập, hạn chế lớn về tính thống nhất, đưa ra kiến nghị tiếp tục hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn mới.

## **2. Khía cạnh triết học pháp luật từ nghiên cứu mối liên hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự**

### *2.1. Khái quát chung về luật hình sự và luật tố tụng hình sự*

Luật hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, bao gồm hệ thống quy phạm pháp luật hình sự do Nhà nước ban hành xác định những hành vi nguy hiểm cho

xã hội bị coi là các tội phạm, đồng thời quy định những hình phạt có thể áp dụng đối với các tội phạm ấy, cũng như một số vấn đề khác liên quan đến xác định tội phạm và trách nhiệm hình sự (TNHS)<sup>2</sup>. Là ngành luật nội dung, luật hình sự điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa một bên là nhà nước và một bên là chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm bao gồm: người, pháp nhân thương mại phạm tội (được thực hiện qua hành vi của người đại diện của mình) với các quyền và nghĩa vụ nhất định của mỗi bên.

Như vậy, đối tượng điều chỉnh của luật hình sự là các quan hệ xuất phát từ chức năng bảo vệ của mình, vì chức năng này phát sinh từ nhu cầu của nhà nước cần phải bảo vệ các lợi ích, trật tự xã hội chung chống lại các hành vi phạm tội xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật này là phương pháp quyền uy (hay phương pháp mệnh lệnh - phục tùng) nhằm điều chỉnh quan hệ pháp luật hình sự giữa nhà nước với người, pháp nhân thương mại phạm tội.

Trong khi đó, cũng là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, luật tố tụng hình sự là ngành luật hình thức, có đối tượng điều chỉnh “*những quan hệ xã hội xuất hiện trong quá trình giải quyết vụ án hình sự*”<sup>3</sup>, hay cụ thể hơn “*những quan hệ*

<sup>1</sup> Võ Khánh Vinh (2022), “Triết học pháp luật - Định hướng nghiên cứu và đào tạo mới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 6, tr. 9. Theo đó, “triết học pháp luật” là học thuyết triết học về pháp luật, luận giải những vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực pháp luật bằng phương pháp của triết học.

<sup>2</sup> Trịnh Tiến Việt (2022), *Tổng quan Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 15.

<sup>3</sup> Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi (đồng chủ biên) (2019), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 23 - 24.

xã hội phát sinh trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự<sup>4</sup> và khác với luật hình sự là điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh khi có sự việc phạm tội. Ở đây, luật tố tụng hình sự xác định thẩm quyền, chức năng và cách thức hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án) và người tiến hành tố tụng (điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán...), cũng như quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng (bị can, bị cáo, người bị hại, luật sư bào chữa...), nội dung quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng - chức năng buộc tội, chức năng bào chữa và chức năng xét xử<sup>5</sup>. Luật tố tụng hình sự đặt ra khuôn khổ pháp lí để “hiện thực hoá” quy định của luật hình sự vào trong thực tiễn, qua đó bảo vệ pháp chế XHCN, công lí, trật tự xã hội, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân, cũng như lợi ích của nhà nước và xã hội. Đặc biệt, luật tố tụng hình sự chứa đựng nhiều nguyên tắc tư pháp rất quan trọng, nền tảng thể hiện trong BLTTHS năm 2015 như: suy đoán vô tội (Điều 13), xác định sự thật của vụ án (Điều 15); bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (Điều 16); tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26)... nhằm cân bằng giữa hiệu quả phòng ngừa, chống tội phạm với việc tôn trọng, bảo vệ các quyền con

người, qua đó, giúp luật hình sự vận hành theo đúng bản chất nhân văn, hướng thiện và công bằng.

Luật tố tụng hình sự thực hiện phương pháp điều chỉnh là quyền uy, chế ước và phối hợp để tác động đến các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật tố tụng hình sự.

## 2.2. Sự thể hiện nội dung mối liên hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự

Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận lí luận quan trọng nhất cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin, với phương pháp hệ thống nghiên cứu các quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy<sup>6</sup>, kết nối với chân lí, giá trị, quy luật, ý thức, thực tiễn..., cùng kết hợp phương pháp tiếp cận, hệ thống tri thức về tội phạm, TNHS và hình phạt của luật hình sự, chức năng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục của luật tố tụng hình sự nhằm giúp con người xây dựng thế giới quan và phương pháp luận chung nhận thức về khoa học và thực tiễn cách mạng, cụ thể giải quyết đúng đắn vấn đề pháp lí hình sự - thực tiễn đặt ra hoặc bối cảnh mới đòi hỏi phải có giải pháp thích ứng.

Ở đây, tiếp cận dưới góc độ triết học pháp luật về vấn đề này, có nghĩa là sử dụng phép biện chứng duy vật và các phương pháp của triết học để luận giải, lí giải vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, đó là phân tích, đánh giá hai cặp phạm trù tương ứng. Trên cơ sở phép biện chứng duy vật, “*phạm trù nội dung dùng để chỉ sự tổng hợp tất cả*

<sup>4</sup> Hoàng Thị Minh Sơn (chủ biên) (2020), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 7.

<sup>5</sup> Lê Tiên Châu (2009), *Chức năng xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 13.

<sup>6</sup> Nguyễn Văn Sanh, Dương Quốc Quân (đồng chủ biên) (2016), *Hỏi - đáp về thế giới quan, phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 5.

những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật, hiện tượng. Phạm trù hình thức dùng để chỉ phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng đó, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố”<sup>7</sup>. Từ đây, “luật hình sự” là phạm trù nội dung, còn “luật tố tụng hình sự” là phạm trù hình thức. Luật tố tụng hình sự là biểu hiện ra bên ngoài của luật hình sự.

Ngoài ra, nội dung và hình thức có mối liên hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau. Không có hình thức nào lại không chứa đựng nội dung và không có nội dung nào lại không tồn tại trong một hình thức nhất định. Đặc biệt, “mối liên hệ giữa nội dung và hình thức là mối liên hệ biện chứng, trong đó nội dung quyết định hình thức và hình thức tác động trở lại nội dung”<sup>8</sup>. Vì thế, nếu “hình thức phù hợp với nội dung thì sẽ thúc đẩy nội dung phát triển, nếu hình thức không phù hợp sẽ kìm hãm sự phát triển của nội dung”<sup>9</sup>.

Do đó, giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự tồn tại mối liên hệ thống nhất, hữu cơ (nội dung và hình thức). Trước hết, về phương diện nội dung quyết định hình thức, quy định nội dung có gì, quy định hình thức có đó, quy định về thủ tục, trình tự trong luật tố tụng hình sự đều phục vụ cho việc áp dụng, thi hành quy định của luật hình sự. Sự thể hiện này qua việc BLHS chứa đựng các quy định nội dung về tội phạm, TNHS và hình phạt thì tương ứng BLTTHS chứa đựng, phản ánh các quy định về hình thức, thi hành

các quy định đó, cũng như chức năng, thẩm quyền để giải quyết. Ở đây, nguyên tắc đặt ra là luật hình thức luôn có sau, đi sau và phải phù hợp, không được mâu thuẫn với luật nội dung, đồng thời luật tố tụng hình sự “*chỉ có ý nghĩa và phát huy giá trị khi luật hình sự có quy định tội phạm, hình phạt*”<sup>10</sup>. Vì xét cho cùng, quy định của luật tố tụng hình sự là “*phương tiện*” để bảo đảm cho quy định của luật hình sự được thực hiện đúng đắn trong thực tiễn. Ví dụ, luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ các quyền con người, quyền công dân thì luật tố tụng hình sự là phương tiện chính để bảo vệ, bảo đảm các quyền con người của người tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị buộc tội<sup>11</sup>. Điều này có nghĩa là bất kỳ sự thay đổi nào của luật hình sự (về tội phạm, hình phạt hay ở tầm chính sách hình sự...) cũng tất yếu dẫn đến nhu cầu thay đổi tương ứng và kịp thời, đồng bộ trong luật tố tụng hình sự<sup>12</sup>.

Tuy nhiên, bản thân luật nội dung phải chính xác mới tạo điều kiện cho luật hình thức chuyên tải đúng, đủ và có tính khả thi được, nếu không chỉ là quy định tồn tại “trên giấy”. Ví dụ, Điều 78 BLHS năm 2015 quy

<sup>7</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 83.

<sup>8</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *tlđđ*, tr. 84.

<sup>9</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *tlđđ*, tr. 84.

<sup>10</sup> Ronald Bacigal, Mary Tate (2014), *Criminal Law and Procedure: An Overview* (4th Edition), Publisher: Cengage Learning, January 1, tr. 4, 19, 136.

<sup>11</sup> Lê Huỳnh Tấn Duy (2024), “Bảo vệ, bảo đảm quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự trong nền tư pháp công bằng, nghiêm minh”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 20, tr. 11.

<sup>12</sup> Ví dụ: Về mặt pháp điển hoá, khi ban hành BLHS năm 1985, thì tương ứng có BLTTHS năm 1988; BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, thì tương ứng có BLTTHS năm 2003; BLHS năm 2015, thì tương ứng có BLTTHS năm 2015. Sau đó, BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 và sửa đổi năm 2025 thì BLTTHS cũng sửa đổi năm 2021 và năm 2025...

định: “Đình chỉ hoạt động có thời hạn... mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại đến tính mạng... và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế” là chưa chính xác, rõ ràng, nếu gây thiệt hại đến tính mạng con người thì không thể khắc phục được, vì thế muốn có tính khả thi thì cần sửa theo hướng chỉ có các hậu quả gây thiệt hại (trừ gây thiệt hại về tính mạng) có khả năng khắc phục trên thực tế. Do đó, nội dung (luật hình sự) và hình thức (luật tố tụng hình sự) phải tương thích với nhau, không thể tồn tại mâu thuẫn, bởi hệ quả của sự bất nhất là làm giảm hiệu lực áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn<sup>13</sup>. Mặt khác, tuy nội dung mang tính quyết định nhưng hình thức (thủ tục tố tụng) cũng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại nội dung. Nếu không có các quy trình, thủ tục tố tụng phù hợp, minh bạch, thì quy định của luật hình sự sẽ không thể áp dụng được trên thực tế, cũng như khó giải quyết đúng đắn vụ án hình sự (ví dụ thủ tục tố tụng truy cứu TNHS đối với pháp nhân nếu không đầy đủ, sát với thực tiễn thì TNHS của pháp nhân sẽ không được giải quyết đúng đắn, hiệu quả).

Mối liên hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự còn thể hiện ở chỗ: “*mặc dù việc quy định tội phạm và hình phạt là cơ sở cho việc xét xử của toà án khi đưa ra các phán quyết về tội phạm, người phạm tội có vai trò rất quan trọng nhưng bản thân nó [Luật hình sự] không có khả năng làm cho các quy định về tội phạm và hình phạt trở*

*thành hiện thực trong thực tế*”<sup>14</sup>. Luật tố tụng hình sự thiết lập “cầu nối” từ hành vi phạm tội (về phương diện nội dung) sang phán quyết về hình phạt (về phương diện hình thức pháp lí), bảo đảm rằng người (thực sự) phạm tội bị xử lí nghiêm minh còn người vô tội (không phạm tội) không bị kết án oan, sai, bảo đảm công lí và quyền con người trong tư pháp hình sự. Luật hình sự và luật tố tụng hình sự bổ trợ lẫn nhau trong việc “hiện thực hoá” các chức năng luật hình sự (gồm: các chức năng bảo vệ, phòng ngừa, giáo dục và hướng dẫn)<sup>15</sup>. Luật hình sự quy định (ghi nhận) “hành vi nguy hiểm nào cho xã hội” là tội phạm, cũng như xác định TNHS, hình phạt tương ứng, luật tố tụng hình sự hướng dẫn cách thức (thủ tục, trình tự) để xác định chủ thể nào đã thực hiện tội phạm đó và áp dụng chế tài (hình phạt) nào một cách có căn cứ, hợp lí, công bằng và đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, sự gắn bó giữa hai ngành luật này còn thể hiện ở việc cả hai cùng chia sẻ những nguyên tắc và giá trị cơ bản. Luật hình sự và luật tố tụng hình sự của Việt Nam đều thể hiện bản chất bảo vệ pháp chế XHCN, trật tự xã hội, tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, qua đó thể hiện các giá trị nhân đạo, công bằng và hướng thiện của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, sự thể hiện trong BLTTHS lại rất rõ, còn trong BLHS chưa thể hiện rõ điều này. Chẳng hạn, nguyên tắc “suy đoán vô tội” được ghi nhận

<sup>13</sup> Trần Quang Tiệp (2004), “Một số vấn đề lí luận về mối quan hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 11, tr. 16.

<sup>14</sup> Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2015), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb. Hồng Đức, tr. 28.

<sup>15</sup> Lê Văn Cẩm (2019), *Giáo trình sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 141 - 142.

trong Hiến pháp năm 2013 (Điều 31) và cụ thể hoá tại luật tố tụng hình sự (Điều 13 BLTTHS năm 2015) nhằm bảo đảm rằng chỉ khi thủ tục tố tụng xác định chắc chắn có tội phạm và người thực hiện tội phạm (người có tội), thì người đó mới bị coi là “có tội” và phải chịu chế tài pháp lí hình sự. Trước khi có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật, người bị buộc tội tuy là “một bên” đã “tham gia” vào quan hệ pháp luật tố tụng hình sự với nhà nước nhưng họ chưa bị coi là chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự theo nghĩa đầy đủ, có nghĩa hành vi của họ chưa được xác định là tội phạm và tư cách “người có tội” chưa được chứng minh theo trình tự, thủ tục do luật định. Điều này cho thấy mục đích rất quan trọng của tố tụng hình sự là làm sáng tỏ sự thật khách quan về hành vi bị cáo buộc, từ đó quyết định việc áp dụng hay không áp dụng chế tài pháp lí hình sự. Nói cách khác, hoạt động tố tụng hình sự phát sinh nhằm làm rõ và bản chất có đúng có quan hệ pháp luật hình sự đó hay không. Luật tố tụng hình sự không phải là mục đích tự thân, mà là “phương tiện” để hiện thực hoá một luật hình sự tuân thủ pháp chế, công bằng, nhân đạo và vì con người.

Cuối cùng, tác giả Trần Quang Tiệp có lí khi nghiên cứu mối liên hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự đã kết luận: “*Quan hệ pháp luật hình sự và quan hệ pháp luật tố tụng hình sự xuất hiện vào các thời điểm khác nhau; sự tồn tại của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự không phải là cơ sở khẳng định sự tồn tại của quan hệ pháp luật hình sự; và quan hệ pháp luật tố tụng hình sự phát sinh và phát triển là nhằm mục đích xác định, làm rõ có quan hệ pháp luật hình sự*

*hay không và nếu có thì bản chất của quan hệ đó là gì?*”<sup>16</sup>. Làm rõ những nội dung này có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật liên quan đến luật hình sự và luật tố tụng hình sự, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam và là một yêu cầu của kĩ thuật lập pháp<sup>17</sup>.

### **3. Thực trạng và những kiến nghị, giải pháp tiếp tục hoàn thiện các quy định Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam góp phần bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật**

Trên cơ sở nghiên cứu mối liên hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự dưới góc độ triết học pháp luật, bài viết nêu ra một số tồn tại, hạn chế gây khó khăn cho thực tiễn áp dụng, xuất phát từ việc chưa bảo đảm tính thống nhất khi thể hiện mối liên hệ này trong các quy định của BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015, từ đó có những kiến nghị, giải pháp khắc phục, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn tới

#### *3.1. Những nguyên tắc cơ bản cần được quy định trong Bộ luật Hình sự trong tương quan với Bộ luật Tố tụng hình sự*

Hiện nay, BLHS năm 2015 không quy định những nguyên tắc cơ bản trong khoa học luật hình sự và thể hiện vào Bộ luật này như quy định tương ứng trong BLTTHS năm

<sup>16</sup> Trần Quang Tiệp (2004), t.lđd, tr. 16.

<sup>17</sup> Nguyễn Ngọc Hoà (chủ nhiệm) (2023), Kĩ yếu Hội thảo: *Kĩ thuật văn bản: Bộ tiêu chuẩn và kết quả đánh giá hạn chế của một số Bộ luật và luật*, trong Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “*Kĩ thuật lập pháp ở Việt Nam hiện nay: Lí luận, thực trạng và kiến nghị*”, Hà Nội, tr. 14.

2015. BLTTHS năm 2015 có một chương độc lập, Chương II - “Những nguyên tắc cơ bản” với 26 nguyên tắc (từ Điều 7 đến Điều 33) phản ánh nhóm nguyên tắc xuyên suốt quá trình tố tụng hình sự, giải quyết nhiệm vụ chung của tố tụng hình sự; nhóm nguyên tắc bảo đảm cho việc xét xử vụ án hình sự và nhóm nguyên tắc liên quan đến nhiệm vụ của các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, thi hành án hình sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thông qua đó, “*xác lập và thực hiện các hoạt động tố tụng hình sự, các quan hệ tố tụng hình sự, cũng như đối với các hình thức và các phương thức thực hiện những hoạt động và quan hệ tố tụng đó*”<sup>18</sup>.

Trong khi đó, là luật nội dung, BLHS năm 2015 chỉ thể hiện các nguyên tắc xử lý<sup>19</sup> nhưng chưa quy định những nguyên tắc cơ bản như: pháp chế XHCN, bình đẳng, công bằng, nhân đạo, hướng thiện, phân hoá TNHS, lỗi, tôn trọng và bảo vệ các quyền con người... đồng thời, vấn đề này đã được phản ánh và nghiên cứu chuyên sâu<sup>20</sup>. Do vậy, cần xây dựng thêm một Chương riêng (độc lập) trong BLHS năm 2015 về “Những nguyên tắc cơ

bản” với hệ thống nguyên tắc đã được khoa học luật hình sự thừa nhận và là cơ sở để định hướng quy định những vấn đề cốt lõi về tội phạm, TNHS và hình phạt, đồng thời những nguyên tắc này còn được xem là một trong các nội dung hợp thành rất quan trọng tạo nên hệ thống pháp luật hình sự, là cầu nối “trung chuyển” nội dung của chính sách hình sự vào BLHS, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều chỉnh của luật hình sự.

3.2. *Tội danh nặng hơn, tội danh nhẹ hơn và tội danh bằng nhau*

Điều 298 BLTTHS năm 2015 về “Giới hạn của việc xét xử” quy định các nội dung như: Toà án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà viện kiểm sát truy tố và toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử; Toà án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài ra, trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh viện kiểm sát truy tố thì toà án trả hồ sơ để viện kiểm sát truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu viện kiểm sát vẫn giữ tội danh đã truy tố thì toà án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó. Điều này đòi hỏi việc xác định thế nào là tội danh nặng hơn, tội danh nhẹ hơn và tội danh bằng nhau của luật nội dung đóng vai trò rất quan trọng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, khắc phục việc trả hồ sơ vụ án nhiều lần, gây tốn thời gian, lãng phí công sức, cũng như liên quan đến việc xác định chính xác thẩm quyền, giới hạn xét xử... nhưng viện kiểm sát vẫn giữ nguyên tội danh

<sup>18</sup> Đào Trí Úc (2016), “Hệ thống những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam theo BLTTHS năm 2015”, *Những nội dung mới trong BLTTHS năm 2015*, Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 54.

<sup>19</sup> Điều 3 BLHS năm 2015 về “Nguyên tắc xử lý” đối với cả người, pháp nhân thương mại phạm tội.

<sup>20</sup> Kiều Đình Thụ (1996), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 17 - 21; Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 1 - Những vấn đề chung*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 216 - 291; Lê Văn Cẩm (2019), *tlđđ*, tr. 214 - 225; Nguyễn Ngọc Hoà (chủ biên) (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Phần chung*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 22 - 31.

đã truy tố trong khi toà án lại không được xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn. Từ đó, góp phần bảo đảm sự độc lập của toà án trong xét xử đã được Hiến pháp năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025 ghi nhận, cũng như thực hiện tốt các chức năng trong tổ tụng hình sự. Ngoài ra, việc làm rõ vấn đề này còn góp phần giúp toà án (hội đồng xét xử) giải quyết chính xác, công bằng về mức độ TNHS khi tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội khi có tội danh nặng, tội danh nhẹ hơn cần so sánh (đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội)... Đối chiếu với BLHS năm 2015, không có quy định (về nội dung) tương ứng. Thực tiễn cho thấy đã có quy định sơ lược tại Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BNV ngày 02/01/1998 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 nhưng hiện nay đã hết hiệu lực. Vì vậy, nội dung này cần được quy định trong BLHS năm 2015, làm cơ sở để áp dụng quy định BLTTHS năm 2015. Ví dụ, cần bổ sung một điều luật mới: “Điều 8a. Tội danh” và sửa tên gọi Điều 8 thành “Xác định (dấu hiệu) tội phạm” hoặc “Tội phạm”, vì BLHS là văn bản quy phạm pháp luật có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định, chứ không phải là từ điển pháp luật nên không thể dùng “khái niệm...”<sup>21</sup>. Cụ thể như sau:

<sup>21</sup> Trịnh Tiên Việt (2022), “Tội danh bằng nhau, tội danh nặng hơn và tội danh nhẹ hơn”, *Tạp chí Luật học*, số 7, tr. 55.

“Chương III

TỘI PHẠM

Điều 8. Tội phạm

...

Điều 8a. Tội danh

1. Tội danh là tên gọi được định danh đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS mô tả và quy định là tội phạm trong Phần các tội phạm Bộ luật này.

2. Tội danh bằng nhau là các tội danh có mức hình phạt khởi điểm và mức hình phạt cao nhất của tội danh này khi so sánh bằng với tội danh kia.

3. Tội danh nặng hơn là tội danh có mức hình phạt khởi điểm cao hơn hoặc có mức hình phạt cao nhất cao hơn so với tội danh khác khi so sánh và ngược lại là tội danh nhẹ hơn”.

3.3. Thuật ngữ “*phạm tội*” (*động từ*), “*có tội*” (*tính từ*) trong tên gọi tội danh

BLHS năm 2015 có hai tội danh sử dụng thuật ngữ “người có tội”, “người không có tội” tại Điều 368 - Tội truy cứu TNHS người không có tội và Điều 369 - Tội không truy cứu TNHS người có tội, từ đó dẫn đến sự chưa thống nhất trong luật nội dung và luật hình thức<sup>22</sup>. Do đó, nên sử dụng thuật ngữ “người phạm tội” và “người không phạm

<sup>22</sup> Thực tiễn có vụ án hình sự, ở giai đoạn điều tra, bị can được đình chỉ điều tra không đúng nên người ra quyết định đình chỉ điều tra, dẫn đến bỏ lọt tội phạm, bị truy cứu TNHS về tội không truy cứu TNHS người có tội, nhưng khi ra xét xử, bị cáo lại tranh luận với hội đồng xét xử: Đã đưa người tội đình chỉ điều tra ra xét xử đâu, chưa đưa họ ra xét xử làm sao biết người đó có tội hay không, chưa xác định được họ có tội hay không, làm sao tôi phải chịu TNHS về tội danh này, vì người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do luật định và có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật.

tội” vì hoạt động truy cứu TNHS diễn ra cả giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Hơn nữa, khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên tư cách “người bị buộc tội” chưa thể trở thành “người có tội”. Người bị buộc tội được coi (giả định) là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà Hiến pháp đã quy định rõ<sup>23</sup>. Hơn nữa, Điều 13 BLTTHS năm 2015 cũng đã quy định: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”*. Chính điều này, tác động trở lại để luật hình sự cần điều chỉnh, thay đổi và vì vậy, tên hai tội danh này nên sửa thành: Tội truy cứu TNHS người không phạm tội (Điều 368); Tội không truy cứu TNHS người phạm tội (Điều 369) mới chính xác và bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc “suy đoán vô tội”.

3.4. Tên gọi “*pháp nhân*”, “*pháp nhân thương mại*” và các nội dung liên quan giữa hai quy định Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự về chủ thể này

BLHS năm 2015 quy định chủ thể của tội phạm ngoài cá nhân còn có “*pháp nhân thương mại*” và ghi rõ trong khái niệm về tội phạm (Điều 8), điều này có nghĩa, có tội

phạm do cá nhân thực hiện và có tội phạm do pháp nhân (thương mại) thực hiện, từ đó việc xây dựng, soạn thảo tiếp các nội dung liên quan đến tội phạm phải thể hiện sự tương thích, ví dụ: Có định nghĩa tội phạm do cá nhân (người) thực hiện, có định nghĩa tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện<sup>24</sup>; ngoài ra, phân loại tội phạm, lỗi, các giai đoạn phạm tội... cũng phải thể hiện rõ ràng vấn đề này:

1) BLHS năm 2015 quy định rõ chủ thể của tội phạm là “*pháp nhân thương mại*” nhưng BLTTHS năm 2015 lại quy định thủ tục tố tụng truy cứu TNHS đối với “*pháp nhân*” (Chương XXIX), mà không phải là “*pháp nhân thương mại*”, trong khi về nguyên tắc, luật hình thức bắt buộc phải tuân thủ theo luật nội dung và ban hành trên cơ sở luật nội dung;

2) BLHS năm 2015 không quy định rõ vấn đề đồng phạm của pháp nhân thương mại, chỉ quy định đồng phạm đối với cá nhân (Điều 17) nhưng về các tình tiết tăng nặng TNHS áp dụng đối với pháp nhân thương mại (Điều 85) lại có quy định một tình tiết tại điểm “a” - “*Câu kết với pháp nhân khác để phạm tội*”, đó chính là thể hiện đồng phạm không chỉ đối với cá nhân, mà còn có cả đồng phạm giữa cá nhân với pháp nhân

<sup>23</sup> Khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

<sup>24</sup> Điều 76 BLHS năm 2015 có nêu các tội danh liên quan đến pháp nhân thương mại phải chịu TNHS nhưng các tội danh mà pháp nhân phải chịu TNHS, nếu có, đều không xâm phạm đến “*độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc*” (Điều 1 có định nghĩa tội phạm) nên việc ghép chung vào cùng một khoản là chưa chính xác khi tội phạm do cá nhân và tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện.

thương mại và giữa pháp nhân thương mại với nhau. Tương tự, Điều 441 về “Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội” trong BLTTHS năm 2015<sup>25</sup> quy định lại không nêu vấn đề phải chứng minh liên quan đến đồng phạm của pháp nhân. Tương tự, một số nội dung khác cũng chưa phản ánh đồng bộ, thống nhất, vì vậy phải sửa đổi cả khái niệm đồng phạm trong BLHS năm 2015 và bổ sung vấn đề cần chứng minh trong Điều 441 BLTTHS năm 2015<sup>26</sup>:

#### “Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý hoặc hai pháp nhân thương mại trở lên hoặc một hay nhiều người và một pháp nhân thương mại trở lên cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm...”.

#### 3.5. Vấn đề miễn trách nhiệm hình sự

Miễn TNHS là trường hợp không buộc chủ thể đáp ứng những điều kiện nhất định phải gánh chịu hậu quả pháp lí bất lợi do việc đã thực hiện tội phạm mà vẫn bảo đảm

yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người đó. BLHS quy định miễn TNHS phản ánh chính sách phân hoá và nguyên tắc nhân đạo, khoan hồng trong luật hình sự, đồng thời chỉ được áp dụng đối với người mà hành vi của họ đã cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, giữa BLHS và BLTTHS còn chưa thống nhất. BLTTHS năm 2015 quy định thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án và miễn TNHS thuộc về cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án khi có căn cứ để miễn TNHS. Tuy nhiên, vẫn chưa có thống nhất trong chính các quy định đó của BLTTHS như sau:

1) Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra trong những trường hợp: a) Có một trong những căn cứ quy định... tại Điều 16 hoặc Điều 29 và khoản 2 Điều 91 của BLHS (điểm a khoản 1 Điều 230);

2) Viện kiểm sát ra quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ quy định... tại Điều 16 hoặc Điều 29 và khoản 2 Điều 91 của BLHS (khoản 1 Điều 248) hoặc nếu xét thấy có một trong những căn cứ... quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 và khoản 2 Điều 91 của BLHS, thì Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên toà và đề nghị toà án đình chỉ vụ án (Điều 285);

3) Trong những trường hợp sau đây, hội đồng xét xử phải tuyên bố trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác: ... 2. Bị cáo được miễn TNHS hoặc miễn hình phạt (Điều 328) hoặc toà án cấp phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm như sau: a) Miễn trách nhiệm hình sự hoặc

<sup>25</sup> Điều 441 BLTTHS năm 2015 về “Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội” quy định:

“1. Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội thuộc TNHS của pháp nhân theo quy định của BLHS.

2. Lỗi của pháp nhân, lỗi của cá nhân là thành viên của pháp nhân.

3. Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của pháp nhân gây ra.

4. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS và tình tiết khác liên quan đến miễn hình phạt.

5. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội”.

<sup>26</sup> Điều 441 BLTTHS năm 2015 cần quy định bổ sung vấn đề phải chứng minh liên quan đến đồng phạm của pháp nhân.

miễn hình phạt cho bị cáo... (Điều 357 BLTTHS năm 2015).

Như vậy, trường hợp nếu bị can được miễn TNHS ở giai đoạn điều tra, truy tố mà không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 16, Điều 29 và khoản 2 Điều 91 BLHS (liên hệ sang BLHS năm 2015 cho thấy, còn một số trường hợp khác ngoài các trường hợp đã nêu như khoản 4 Điều 110 - Tội gián điệp; khoản 4 Điều 247 - Tội trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy; đoạn 2 khoản 7 Điều 364 - Tội đưa hối lộ...), thì cơ quan điều tra hay viện kiểm sát có được ra quyết định đình chỉ điều tra hay đình chỉ vụ án để áp dụng miễn TNHS hay không<sup>27</sup>... Cho nên, vấn đề này cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng thống nhất, sửa đổi BLTTHS năm 2015: “Khi thuộc một trong các trường hợp miễn TNHS do BLHS quy định” để bao quát các trường hợp miễn TNHS và áp dụng thống nhất pháp luật trong thực tiễn xét xử.

*3.6. Thực tiễn áp dụng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự tác động trở lại để góp phần hoàn thiện quy định Bộ luật Hình sự*

Từ thực tiễn áp dụng BLTTHS cho thấy còn xuất hiện một số tồn tại, khó khăn khi áp dụng là do còn nhiều quy định của BLHS chưa chặt chẽ, chưa thống nhất, đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn:

1) BLTTHS năm 2015 có Điều 4 về “Giải thích thuật ngữ” nhưng trong BLHS năm 2015 (luật nội dung) lại không có, trong khi rất cần có một điều về giải thích thuật

ngữ, tránh dùng “khái niệm...”<sup>28</sup>, vì BLHS không phải từ điển luật học. Điều này đã được tác giả Lê Văn Cẩm đề xuất, lí giải và mô hình hoá có giá trị tham khảo<sup>29</sup>; hoặc ví dụ tại Điều 4 đã giải thích: “Tự thú” là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện (điểm h); trong khi đó, Điều 29 về “Căn cứ miễn TNHS” trong BLHS năm 2015 nêu tại điểm c khoản 2: “Người phạm tội có thể được miễn TNHS khi có căn cứ sau đây: Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được nhà nước và xã hội thừa nhận...” lại thừa cụm từ “trước khi bị phát giác”, vì đã là tự thú thì đương nhiên là trước khi bị phát giác, phát hiện...;

2) Điều 85 BLTTHS năm 2015 về “Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự” quy định:

“Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh:

<sup>27</sup> Trịnh Tiến Việt, Trần Thị Quỳnh (2025), “Hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam: Thực trạng và các định hướng tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn tới”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 10(94), tr. 25.

<sup>28</sup> BLHS năm 2015 có một số điều có tên gọi là khái niệm, ví dụ: Khái niệm tội phạm (Điều 8); khái niệm hình phạt (Điều 30); khái niệm tội phạm về chức vụ (Điều 352); khái niệm tội xâm phạm hoạt động tư pháp (Điều 367) dẫn đến chưa đồng bộ, thống nhất trong khi BLHS không phải từ điển, cũng như các chương khác lại không có định nghĩa nhóm tội, do đó, rất cần có một điều về “Giải thích thuật ngữ”.

<sup>29</sup> Lê Văn Cẩm (2018), *Nhận thức khoa học về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hoá lần thứ ba*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 157 - 162.

- Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội;

- Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực TNHS hay không; mục đích, động cơ phạm tội;

- Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo;

- Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;

- Nguyên nhân và điều kiện phạm tội;

- Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ TNHS, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt”.

Tuy nhiên, trong BLHS năm 2015 còn một số tội danh “không thể hiện rõ tính chất của loại tội được phản ánh là tội cố ý hay tội vô ý”<sup>30</sup>, gây khó khăn cho thực tiễn định tội danh, quyết định hình phạt hay vấn đề chứng minh trong vụ án. Những trường hợp đã rõ ràng và những trường hợp khó khăn xác định “lỗi” cần hoàn thiện để bảo đảm cho thực tiễn tố tụng giải quyết vụ án hình sự được chính xác có thể kể đến như sau:

LIÊN QUAN ĐẾN LỖI	CÁC TỘI PHẠM CỤ THỂ
Lỗi cố ý	<i>Ví dụ:</i> Tội giết người (Điều 123); Tội hiếp dâm (Điều 141); Tội cướp tài sản (Điều 168)...
Lỗi vô ý	<i>Ví dụ:</i> Tội vô ý làm chết người (Điều 128); Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 138); Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179)...
Vừa là lỗi cố ý, vừa là lỗi vô ý	<i>Ví dụ:</i> Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm quy định về hàng hải của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (Điều 284); Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hoá, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 345)...
Hỗn hợp lỗi (cố ý về hành vi, vô ý về hậu quả)	<i>Ví dụ:</i> Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác - trường hợp dẫn đến chết người (điểm a khoản 4 Điều 134).
Chưa là lỗi hình sự	<i>Ví dụ:</i> Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ (trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a; b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời (ở đây chưa là lỗi hình sự - khoản 4 Điều 260)...
Không xác định rõ hình thức lỗi (lỗi cố ý hay lỗi vô ý)	<i>Ví dụ:</i> Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127); Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137); Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người (Điều 240)...

<sup>30</sup> Nguyễn Ngọc Hoà (2004), “Tội danh và việc chuẩn hoá các tội danh trong Bộ luật Hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 6, tr. 51.

Tên tội và nội dung trong cấu thành tội phạm không thống nhất hình thức lỗi (tồn tại hai cấu thành tội phạm trong một tội)	<i>Ví dụ:</i> Tội đua xe trái phép (Điều 266).
Không căn cứ vào dấu hiệu lỗi để xác định	<i>Ví dụ:</i> Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145); Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142); Tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329)...

Do đó, điều này đòi hỏi các nhà làm luật cần được rà soát toàn bộ các tội danh để bảo đảm tên tội danh, hình thức lỗi rõ ràng (có ý là có ý, vô ý là vô ý) trong BLHS năm 2015. Bởi lẽ, “*lỗi cho phép người ta hiểu rằng, tội phạm không chỉ là kết quả của một việc làm sai trái mà còn là hệ quả của một thái độ, một sự nhận thức*”<sup>31</sup>;

3) Điều 374 BLHS năm 2015 quy định về tội bức cung, quy định người nào trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc... Do đó, tội bức cung ám chỉ việc bức cung đối với bị can (nếu bị bức cung - hỏi cung bị can, Điều 183 BLTTHS năm 2015), trong khi nội dung điều luật còn quy định cả việc ép buộc người bị lấy lời khai qua thủ đoạn trái pháp luật (người bị lấy lời khai - nếu bị bức lời khai bao gồm bị hại, người làm chứng, đương sự...), vì vậy từ thực tiễn áp dụng, đòi hỏi BLHS năm 2015 phải sửa đổi nhằm bao quát, có thể sửa thành Tội bức cung, bức lời khai chẳng hạn...

#### **4. Kết luận**

Tóm lại, nghiên cứu mối liên hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự là chính

là nền tảng chi phối toàn bộ hoạt động thực thi pháp luật hình sự (theo nghĩa rộng). Đây là sự gắn bó hữu cơ với nhau như nội dung và hình thức của một chỉnh thể, cùng với đó, bảo đảm được tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh đó, thực tiễn cũng đặt ra những tồn tại, hạn chế đã nêu, điều này làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm, cũng như xác định sự thật khách quan của vụ án, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân. Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện quy định của hai bộ luật cơ bản về luật nội dung và luật hình thức là BLHS và BLTTHS nhằm khắc phục các vướng mắc là rất cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn tới./.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 1 - Những vấn đề chung*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

<sup>31</sup> Đào Trí Úc (2000), tldđ, tr. 262.

3. Đào Trí Úc (2016), “Hệ thống những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nguyễn Hoà Bình (chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Hoàng Thị Minh Sơn (chủ biên) (2020), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
5. Kiều Đình Thụ (1996), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Lê Huỳnh Tấn Duy (2024), “Bảo vệ, bảo đảm quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự trong nền tư pháp công bằng, nghiêm minh”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 20.
7. Lê Tiên Châu (2009), *Chức năng xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
8. Lê Văn Cẩm (2019), *Giáo trình Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Lê Văn Cẩm (2018), *Nhận thức khoa học về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hoá lần thứ ba*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2015), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb. Hồng Đức.
11. Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi (đồng chủ biên) (2019), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Nguyễn Ngọc Hoà (2004), “Tội danh và việc chuẩn hoá các tội danh trong Bộ luật Hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 6.
13. Nguyễn Ngọc Hoà (chủ biên) (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Nguyễn Ngọc Hoà (chủ nhiệm) (2023), *Kỷ yếu Hội thảo: Kỹ thuật văn bản: Bộ tiêu chuẩn và kết quả đánh giá hạn chế của một số bộ luật và luật, trong Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “Kỹ thuật lập pháp ở Việt Nam hiện nay: Lý luận, thực trạng và kiến nghị”*, Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Sanh, Dương Quốc Quân (đồng chủ biên) (2016), *Hỏi - đáp về thế giới quan, phương pháp luận Triết học của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Ronald Bacigal, Mary Tate (2014), *Criminal Law and Procedure: An Overview* (4th Edition), Publisher: Cengage Learning, January 1.
17. Trần Quang Tiếp (2004), “Một số vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 11.
18. Trịnh Tiến Việt (2022), “Tội danh bằng nhau, tội danh nặng hơn và tội danh nhẹ hơn”, *Tạp chí Luật học*, số 7.
19. Trịnh Tiến Việt (2022), *Tổng quan Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
20. Trịnh Tiến Việt, Trần Thị Quỳnh (2025), “Hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam: Thực trạng và các định hướng tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn tới”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 10(94).
21. Võ Khánh Vinh (2022), “Triết học pháp luật - Định hướng nghiên cứu và đào tạo mới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 6.